

Bản tin DOANH NGHIỆP XÂY DỰNG PHÁP LUẬT

Quý II/2022 - Tháng 4-6/2022



PHÒNG THƯƠNG MẠI
VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

BAN PHÁP CHẾ, VCCI

Số 9, Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 024.3577.0632 / 024.3574.2022 (máy lẻ 355)

Fax: 024.3577.1459

Email: xdphapluat@vcci.com.vn / xdphapluat.vcci@gmail.com

Website: <http://www.vibonline.com.vn/>

BẢN TIN PHÁP LUẬT QUÝ II/2022



HƯỚNG TỚI MỘT MÔI TRƯỜNG KINH DOANH MINH BẠCH VÀ THUẬN LỢI

Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam trên mạng www.vibonline.com.vn được phát triển và quản lý bởi Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) nhằm góp phần hình thành một môi trường pháp lý kinh doanh thuận lợi và minh bạch cho doanh nghiệp

MỤC LỤC BẢN TIN

BẢN TIN

DOANH NGHIỆP

XÂY DỰNG PHÁP LUẬT

(Tháng 4-6/2022)

01

ĐIỂM TIN

31 Dự thảo VBQPPL mà VCCI đã có ý kiến chính thức bằng công văn và những ý kiến góp ý chính

31

ĐÁNH GIÁ PHẢN HỒI

Đánh giá 03 văn bản được ban hành trong quý II năm 2022 với bản tổng hợp ý kiến VCCI đã gửi tới cơ quan soạn thảo

1/ ĐIỂM TIN

Trong quý II năm 2022, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) đã có ý kiến góp ý với **31 Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật**¹ trong nhiều lĩnh vực khác nhau như: **thuế**, **tài chính**, **giáo dục**, **nông nghiệp**, **đầu tư**, **kinh doanh**, **điện ảnh**, **công nghệ thông tin** ... do 11 Bộ chủ trì soạn thảo.

Trong 31 văn bản góp ý, VCCI có **158 đề xuất**², trong đó tập trung vào các góp ý về tính minh bạch (quy định rõ về: các quyền, nghĩa vụ của các đối tượng chịu tác động; trình tự thủ tục hành chính; ...), tính thống nhất (giữa các quy định tại văn bản với các văn bản cùng giá trị pháp lý hoặc văn bản có giá trị pháp lý cao hơn), tính hợp lý và khả thi (yêu cầu bỏ hoặc điều chỉnh các quy định gây khó khăn bất hợp lý cho doanh nghiệp).

¹ Toàn văn các ý kiến này được đăng tải trên website của VCCI tại địa chỉ www.vibonline.com.vn

² Các lập luận chi tiết để đưa ra kiến nghị được thể hiện đầy đủ trong các Công văn góp ý của VCCI đã được đăng tải tại địa chỉ www.vibonline.com.vn. Trong Bản tin này chỉ tóm tắt các kiến nghị chính trong mỗi văn bản góp ý

BỘ CÔNG THƯƠNG

Trong Quý II, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam đã thực hiện góp ý đối với 02 Dự thảo do Bộ Công Thương chủ trì soạn thảo, cụ thể như sau:

Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng (sửa đổi) (bản thẩm định tại Bộ Tư pháp)

- Bổ sung nội dung về bảo vệ người tiêu dùng (BVNTD) trong các thị trường nền tảng vào dự luật do hình thức này có thể ảnh hưởng đến lợi ích của người tiêu dùng (NTD) từ các hành vi thiếu công bằng trên thị trường, bất cân xứng thông tin, không đảm bảo chất lượng hàng hoá, dịch vụ...;

- Bổ cụm “*bảo đảm thực hiện*” trong quy định về BVNTD để bị tổn thương bởi đây là trách nhiệm trực tiếp của chủ thể kinh doanh đối với khách hàng là NTD để bị tổn thương;

- Dẫn chiếu hoặc uỷ quyền quy định chi tiết về nội dung bảo đảm an toàn, an ninh thông tin (Điều 11 Dự thảo) để bảo đảm tính khả thi;

- Bổ sung nghĩa vụ của NTD phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin mình đưa ra và bồi thường cho cá nhân, tổ chức kinh doanh nếu có thiệt hại xảy ra từ việc đưa thông tin sai sự thật để đảm bảo tính hợp lý, khả thi;

- Làm rõ tiêu chí xác định tính bất hợp lý trong quy định “*hạn chế sự lựa chọn của NTD thông qua việc sắp xếp ưu tiên lựa chọn sản phẩm bất hợp lý giữa các tổ chức, cá nhân kinh doanh cung cấp trên nền tảng*” để tránh các cách hiểu khác nhau hoặc lúng túng trong áp dụng pháp luật;

- Bổ quy định “*cần đảm bảo sự phù hợp với các nhóm NTD theo độ tuổi, giới tính, thu nhập, khu vực địa lý, dân tộc, tình trạng sức khỏe, đặc điểm tâm thần, thể chất*” bởi điều này can thiệp vào quyền tự do kinh doanh của doanh nghiệp;

- Sửa đổi quy định về trách nhiệm của bên thứ ba trong việc cung cấp thông tin về hàng hoá, dịch vụ cho NTD, cụ thể:

- Làm rõ nội dung về kiểm tra tính chính xác của thông tin hàng hoá, dịch vụ, khả năng dẫn đến quấy rối NTD;



- Bổ quy định yêu cầu chủ phương tiện, nhà cung cấp dịch vụ truyền thông phải ngừng cho chủ thể kinh doanh sử dụng phương tiện, dịch vụ do mình quản lý do NTD cho rằng đây là hành vi quấy rối. Thực tế, không phải yêu cầu nào của NTD cũng hợp pháp;

- Quy định rõ ràng hơn về điều kiện giao dịch chung (Điều 22) theo hướng tổ chức, cá nhân kinh doanh buộc phải cung cấp hợp đồng tới NTD, cho phép thời gian khi quyết định không bị hạn chế;

- Sửa đổi quy định “*Trước khi giao kết hợp đồng theo mẫu, tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hoá, dịch vụ phải dành thời gian hợp lý để người tiêu dùng nghiên cứu hợp đồng*” (khoản 1 Điều 25) và quy định “*Hợp đồng theo mẫu phải được công bố công khai để người tiêu dùng biết hoặc phải biết về những nội dung của hợp đồng*” (khoản 3 Điều 25) theo hướng rõ ràng hơn hoặc loại bỏ các quy định này để tránh những cách hiểu khác nhau và khó khăn trong công tác xử lý khi có tranh chấp;

- Sửa đổi nội dung về hủy bỏ hoặc sửa đổi hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung theo hướng cần dành thời gian nghiên cứu, phản biện của bên bán hàng bởi không phải lúc nào đề nghị của NTD cũng xác đáng, hợp lý;

- Sửa đổi quy định về trách nhiệm của của tổ chức, cá nhân kinh doanh trong việc “*Xây dựng và công bố công khai về chính sách bảo hành trước khi áp dụng đối NTD*” vì khi chính sách bảo hành đã công bố công khai đương nhiên được hiểu là có giá trị áp dụng tại thời điểm đó;

- Cụ thể hơn trách nhiệm đưa thông tin về vụ án dân sự liên quan đến BVNTD và bổ sung quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại nếu có vi phạm ảnh hưởng tới hoạt động của cá nhân, tổ chức kinh doanh để đảm bảo tính khả thi.

Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 10/2018/NĐ-CP về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp

- Quy định thẩm quyền tổ chức và xác nhận kiến thức pháp luật cho người đại diện tại địa phương, Cục Cảnh tranh và Bảo vệ người tiêu dùng và Sở Công Thương cùng thực hiện, điều này sẽ giúp giảm chi phí cho doanh nghiệp, tăng thêm nguồn lực, từ đó tăng tần suất các đợt kiểm tra;

- Sửa đổi hình thức kiểm tra theo hướng thống nhất hình thức là trắc nghiệm bởi những ưu điểm sau:

- Việc tổ chức kỳ thi và chấm bài đơn giản, gọn nhẹ và loại bỏ được các yếu tố chủ quan từ người chấm;
- Người dự thi thuận lợi hơn trong việc ôn tập và chuẩn bị kiến thức
- Bài thi trắc nghiệm giúp kiểm tra toàn diện và tổng quát hơn về khối lượng kiến thức, do bài tự luận thường chỉ có 2 câu tập trung vào 2 chủ đề nhất định
- Người dự thi dễ theo dõi, đánh giá kết quả và có thể phúc khảo (nếu cần)
- Lĩnh vực có tính chất tương tự như ngành bán hàng đa cấp cũng thực hiện kiểm tra theo hình thức trắc nghiệm, cụ thể như đại lý bảo hiểm

- Bổ sung quy định về thông báo cho người dự thi trước một khoảng thời gian hợp lý và quy trình phúc khảo kết quả thi nhằm tạo sự thuận lợi, bảo vệ quyền lợi cho doanh nghiệp quản lý và người dự thi;

- Sửa đổi quy định về thu hồi xác nhận kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp, kiến thức cho người đại diện tại địa phương trong trường hợp người được cấp xác nhận có thông tin gian dối, hay hoạt động theo phương thức đa cấp chưa được cấp phép theo quy định của pháp luật giúp bảo đảm quyền lợi của cả doanh nghiệp và người lao động thay vì xác định giá trị của các xác nhận này gắn liền với doanh nghiệp như Dự thảo.



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Trong Quý II, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam đã thực hiện góp ý đối với 01 Dự thảo do Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì soạn thảo, cụ thể:

Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án và dự thảo Đề án “Các giải pháp tăng cường kiểm soát và nâng cao chất lượng đào tạo cử nhân luật”

Điểm b Mục 2 dự thảo Quyết định và Mục 5.2 dự thảo Đề án giao Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) hai nhiệm vụ phối hợp gồm:

(1) xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện chuẩn chương trình đào tạo cử nhân luật theo các quy định của Khung trình độ quốc gia Việt Nam

(2) đẩy mạnh gắn kết giữa cơ sở đào tạo và đơn vị sử dụng lao động/doanh nghiệp và các tổ chức xã hội nghề nghiệp trong các hoạt động: xây dựng chuẩn chương trình đào tạo; phát triển chương trình đào tạo; đào tạo thực hành, thực tập nghề nghiệp; nghiên cứu khoa học và tuyển dụng/sử dụng sinh viên sau khi tốt nghiệp

- Đề nghị **bỏ nội dung này** ra khỏi dự thảo Đề án do VCCI là tổ chức quốc gia đại diện cho cộng đồng doanh nghiệp, VCCI không có đủ chuyên môn để tham gia vào hoạt động xây dựng, ban hành hay tổ chức thực hiện chuẩn chương trình đào tạo. (Góp ý tương tự với quy định về nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên chuyên môn ngành luật; nâng cấp chất lượng đầu vào và chất lượng đầu ra các chương trình đào tạo cử nhân luật.)

- Bên cạnh đó Việc giới hạn thời gian liên kết trong khoảng thời gian 2022-2030 là không hợp lý do VCCI thường xuyên có những hoạt động liên quan đến phạm vi của Đề án như chương trình thực tập dành cho các sinh viên luật năm cuối, mở các hội thảo về chính sách, pháp luật.



BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Trong Quý II, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam đã thực hiện góp ý đối với 01 Dự thảo do Bộ Giao thông vận tải chủ trì soạn thảo, cụ thể:

Thông tư hướng dẫn một số nội dung về phương pháp, tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu lựa chọn nhà đầu tư và Mẫu hợp đồng dự án xây dựng – kinh doanh – chuyển giao (BOT) thuộc lĩnh vực giao thông vận tải



- Làm gọn lại quy định phạm vi điều chỉnh của Thông tư này là “hướng dẫn một số nội dung về phương pháp, tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu lựa chọn nhà đầu tư và Mẫu hợp đồng dự án xây dựng – kinh doanh – chuyển giao (BOT) thuộc lĩnh vực giao thông vận tải có quy mô đầu tư theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 của Nghị định số 35/2021/NĐ-CP”

- Điều chỉnh một số nội dung kỹ thuật theo hướng sau:

- Tham chiếu cụ thể các quy định có liên quan đến mẫu hợp đồng dự án BOT tại Luật Đầu tư theo phương thức

đối tác công tư và Nghị định số 35/2021/NĐ-CP để soạn thảo chi tiết hơn các quy định về hợp đồng mẫu của dự án BOT trong lĩnh vực giao thông vận tải, bổ sung Mẫu hợp đồng dự án BOT để thuận lợi trong áp dụng;

- Chỉnh nội dung phần ghi chú tại Phụ lục I, do Dự thảo không có một biểu mẫu nào, cũng chưa kèm theo Phụ lục III nên phần ghi chú có dẫn chiếu đến mẫu và biểu mẫu là chưa rõ ràng;

“Trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng, các bên có thể đề xuất hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng nhưng phải đảm bảo không làm thay đổi nội dung cơ bản của HSDT, HSMT và không trái với quy định pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư và quy định của pháp luật có liên quan”.



BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Trong Quý II, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam đã thực hiện góp ý đối với 01 Dự thảo do Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì soạn thảo, cụ thể:

Tờ trình, Nghị quyết và Chương trình hành động của Chính phủ tiếp tục thực hiện Nghị quyết 10-NQ/TW về phát triển kinh tế tư nhân

- Bổ sung Nghị quyết số 139/NQ-CP về ban hành Chương trình hành động cắt giảm chi phí cho doanh nghiệp và Nghị quyết số 76/NQ-CP ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 – 2030 vào điểm 1.a về một số nghị quyết về tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi cho phát triển kinh tế tư nhân;
- Có cơ chế để kiểm soát hiệu quả hơn chất lượng của các văn bản quy phạm pháp luật về đầu tư kinh doanh *đang soạn thảo*, đồng thời với hoạt động rà soát, kiến nghị các chính sách hiện hành để tránh trường hợp một số quy định dự kiến ban hành hoặc mới ban hành làm gia tăng chi phí một cách bất hợp lý, gây khó khăn cho doanh nghiệp;
- Bổ sung nhiệm vụ của Bộ Công Thương “*thúc đẩy và triển khai hiệu quả Quyết định số 221/QĐ-TTg về kế hoạch hành động nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển dịch vụ logistics giai đoạn 2022-2026*”;



- Bổ sung nhiệm vụ của Bộ Xây dựng trong việc hoàn thiện các chính sách về kinh doanh bất động sản, nhà ở, xây dựng để đảm bảo thống nhất trong hệ thống pháp luật về đầu tư, kinh doanh, tạo nền tảng cho thị trường bất động sản phát triển lành mạnh;
- Thể hiện rõ hơn yêu cầu về việc nâng cao vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị – xã hội, xã hội – nghề nghiệp đối với kinh tế tư nhân của Nghị quyết số 10-NQ/TW trong Chương trình hành động;
- Cụ thể hóa tối đa các mục tiêu và lộ trình thực hiện của các nhiệm vụ đã nêu nhằm tạo thuận lợi cho quá trình theo dõi, đánh giá việc thực hiện sau này;
- Xem xét, nghiên cứu để có sự thống nhất về phạm vi khái niệm “*kinh tế tư nhân*” trong Dự thảo Chương trình hành động do hiện nay ở nước ta vẫn tồn tại nhiều cách hiểu khác nhau về kinh tế tư nhân, khiến cho việc xây dựng chính sách, chương trình phát triển kinh tế tư nhân chưa bao trùm được các nhóm đối tượng.



BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Trong Quý II, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam đã thực hiện góp ý đối với 02 Dự thảo do Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì soạn thảo, cụ thể như sau:

Thông tư sửa đổi một số điều của Thông tư số 28/2013/TT-BKHCN của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định kiểm tra nhà nước về đo lường

Theo Điều 1 Dự thảo, “tùy theo mức độ và quy mô ảnh hưởng” Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng sẽ “xem xét, thông báo bằng văn bản cho Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng/Sở Khoa học và Công nghệ và cơ quan Hải quan tại các địa phương nơi nhập khẩu thực hiện kiểm tra khi nhập khẩu hoặc kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền ra quyết định tạm dừng hoặc dừng việc nhập khẩu loại phương tiện đo, hàng đóng gói sẵn đó”.

Đề nghị sửa đổi khoản 3 Điều 21 Thông tư số 28/2013/TT-BKHCN (Điều 1 Dự thảo) như sau:

- Quy định theo hướng cụ thể hơn hoặc dẫn chiếu tới văn bản có quy định về vấn đề này để đảm bảo tính minh bạch của quy định do quy định “tùy theo mức độ và quy mô ảnh hưởng” là chưa đủ rõ ràng để xác định được mức độ nào, quy mô ảnh hưởng ra sao?
- Điều chỉnh lại quy định về yêu cầu cơ quan Hải quan thực hiện kiểm tra khi nhập khẩu để đảm bảo tính thống nhất của quy định và thuận lợi khi áp dụng.



Thông tư quy định về thể hiện một số nội dung ghi nhãn bắt buộc theo phương thức điện tử

- Sửa đổi một số quy định về phương thức ghi nhãn điện tử:

- Bổ sung phương thức built-in display (thể hiện nội dung ghi nhãn ngay trong màn hình của sản phẩm). Một số sản phẩm điện tử có màn hình thường cung cấp các thông tin ghi nhãn cho NTD thông qua việc truy cập trên màn hình của chính thiết bị đó bằng cú pháp đơn giản;

- Cho phép doanh nghiệp dẫn đường link do trong nhiều trường hợp, đường dẫn website tương đối dài gây khó khăn cho người tiêu dùng trong việc nhập đúng đường link. hoặc chỉ dẫn truy cập như sau:

Ví dụ: Bắt đầu từ Trang chủ:

Bước 1: Ấn vào “Cài đặt”

Bước 2: Ấn vào “Pháp lý và Quy định”

Bước 3: Ấn vào “Quy định” (nơi thông tin ghi nhãn được hiển thị)



- Sửa đổi quy định theo hướng ngôn ngữ ghi nhãn thực hiện theo quy định tại Nghị định 43/2017/NĐ-CP (nội dung nhãn hàng hoá được sản xuất và lưu thông trong nước có thể ghi bằng ngôn ngữ khác nhưng phải tương ứng nội dung tiếng Việt), ngoại trừ ngôn ngữ ghi nhãn không phải là tiếng Việt do trong bối cảnh hội nhập toàn cầu, nhãn điện tử sẽ được doanh nghiệp cung cấp bằng nhiều thứ tiếng khác nhau;

- Nghiên cứu, cho phép một số nội dung khác theo pháp luật liên quan được thực hiện theo phương thức điện tử chẳng hạn như ghi nhãn vật liệu ô nhiễm khó phân huỷ, nhãn sinh thái.... ;

- Mở rộng phạm vi các loại hàng hoá ghi nhãn điện tử tránh làm hạn chế khả năng ứng dụng rộng rãi của loại hình ghi nhãn này lên hoạt động thương mại;

- Bỏ quy định yêu cầu doanh nghiệp phải thực hiện thông báo đến cơ quan quản lý nhãn hàng hoá về phương thức, nội dung ghi nhãn điện tử và thông báo lại khi có thay đổi. Quy định này được suy đoán là nhằm giúp cơ quan chức năng có căn cứ, bằng chứng nếu có dấu hiệu vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, thủ tục thông báo là một dạng thủ tục hành chính, và được nghiêm cấm ban hành ở cấp Thông tư.

“Phụ lục Dự thảo chỉ cho phép 12 loại hàng hoá được áp dụng quy định này. Trong khi đó, Nghị định 43/2017/NĐ-CP quy định 66 loại hàng hoá thuộc diện ghi nhãn bắt buộc.”

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN



Trong Quý II, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam đã thực hiện góp ý đối với 01 Dự thảo do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì soạn thảo về **Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn**

- Sửa đổi quy định về nộp, thẩm định hồ sơ thực hiện hoàn toàn trực tuyến, CQNN có thể kiểm tra bản chính bằng hình thức hậu kiểm, hoặc yêu cầu doanh nghiệp cung cấp bản giấy khi CQNN thực hiện kiểm dịch nhằm đơn giản hóa quy trình kiểm dịch, thuận tiện cho doanh nghiệp;

- Làm rõ quy định về thời điểm “theo yêu cầu đột xuất” mà CQNN có thẩm quyền hướng dẫn cụ thể chỉ tiêu, số mẫu giám sát cần kiểm soát các vi sinh vật gây hại, chất tồn dư độc hại đối với động vật, sản phẩm động vật trên cạn nhập khẩu là dựa trên căn cứ hoặc trường hợp nào do việc xác định chỉ tiêu, số mẫu giám sát có thể tác động đến chi phí tuân thủ của doanh nghiệp;

“Đối với lô hàng có nhiều mặt hàng: cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu chọn mặt hàng có số lượng lớn, mỗi mặt hàng lấy 05 mẫu đơn lẻ và gộp thành 01 mẫu xét nghiệm các tác nhân gây bệnh; số lượng mẫu để xét nghiệm không quá 03 mẫu gộp” (Khoản 13 Điều 1 Dự thảo)

- Đề nghị sửa đổi các nội dung sau để đảm bảo tính minh bạch trong quy định trên:

- Sửa đổi quy định trên từ “đối với lô hàng có nhiều mặt hàng” thành “đối với lô hàng có từ hai mặt hàng trở lên”;
- Làm rõ khái niệm “số lượng lớn”;
- Làm rõ quy định “mỗi mặt hàng lấy 05 mẫu đơn” thì mỗi mặt hàng ở đây là mỗi mặt hàng trong lô hàng hay là “mỗi mặt hàng” của “các mặt hàng có số lượng lớn”.



BỘ TÀI CHÍNH

Trong Quý II, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam đã thực hiện góp ý đối với 07 Dự thảo do Bộ Tài chính chủ trì soạn thảo, cụ thể như sau:

Nghị định gia hạn nộp thuế và tiền thuê đất, thuê mặt nước và Dự thảo Nghị định gia hạn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt đối với ô tô sản xuất, lắp ráp trong nước

Ngày 28/3/2022, VCCI phối hợp với Tổng cục Thuế tổ chức Hội thảo trực tuyến lấy ý kiến cộng đồng kinh doanh trên phạm vi cả nước về hai dự thảo này. Nhìn chung, các doanh nghiệp, hiệp hội nhất trí chủ trương tiếp tục gia hạn nộp các loại thuế, tiền thuê đất, thuê mặt nước.

Từ ý kiến các doanh nghiệp, VCCI thống nhất với việc ban hành các dự thảo nêu trên trong thời gian sớm nhất, có hiệu lực kể từ ngày ký.



Thông tư quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng, phí thẩm định thiết kế cơ sở

Mức phí đối với dự án đầu tư phải thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, thẩm định Báo cáo kinh tế – kỹ thuật điều chỉnh, khoản 5 Điều 4 Dự thảo đưa ra hai phương án với hai mức phí:

- Phương án 1: mức phí là 100% mức thu phí quy định tại Biểu mức thu đối với thẩm định toàn bộ các nội dung của dự án sau điều chỉnh; mức phí 30% mức thu phí quy định tại Biểu mức thu đối với thẩm định một hoặc một số nội dung của dự án sau điều chỉnh
- Phương án 2: đối với các hoạt động thẩm định trên, các mức phí lần lượt là 50% và 30%

VCCI lựa chọn phương án 2 vì giảm chi phí tuân thủ và tạo thuận lợi hơn cho doanh nghiệp.

Thông tư quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định thiết kế kỹ thuật, phí thẩm định dự toán xây dựng

Về mức phí đối với hoạt động thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở điều chỉnh, khoản 5 Điều 4 Dự thảo đưa ra hai phương án:

- Phương án 1: thẩm định toàn bộ các nội dung thiết kế xây dựng sau điều chỉnh, mức phí là 100% mức thu phí quy định tại Biểu mức thu; thẩm định một hoặc một số nội dung thiết kế xây dựng sau điều chỉnh, mức phí là 50% mức thu phí quy định tại Biểu mức thu;
- Phương án 2: đối với các hoạt động trên, mức phí lần lượt theo tỷ lệ 50% và 30% mức thu phí quy định tại Biểu mức thu.

VCCI lựa chọn phương án 2 vì giảm chi phí tuân thủ và tạo thuận lợi hơn cho doanh nghiệp.

Nghị định về kết nối và chia sẻ thông tin trong lĩnh vực xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa; xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh người và phương tiện theo cơ chế một cửa quốc gia

- Giải trình thêm trong Tờ trình về lý do không sửa đổi, bổ sung Nghị định 85/2019/NĐ-CP (quy định chi tiết hơn để đảm bảo có thể thực hiện hiệu quả việc chia sẻ, kết nối thông tin mà lại ban hành một Nghị định mới, trong khi giữa hai Nghị định này đang có sự chồng lấn về phạm vi điều chỉnh);

- Sửa đổi quy định về chủ thể được phép khai thác, sử dụng thông tin trên Cổng thông tin một cửa quốc gia để đảm bảo rõ ràng, thống nhất trong chính văn bản;

„Cơ quan quản lý Cổng thông tin một cửa quốc gia phân loại thông tin để xác định loại thông tin mà bất kỳ chủ thể nào cũng có thể tiếp cận; loại thông tin được giới hạn quyền tiếp cận và/hoặc tiếp cận có điều kiện“

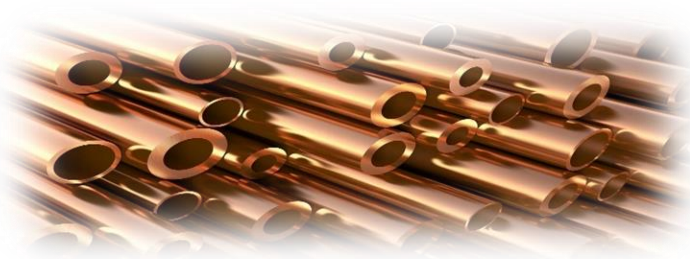


- Bỏ quy định tại điểm t khoản 1 Điều 6 quy định “Danh mục thông tin Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam cung cấp, chia sẻ qua Cổng thông tin một cửa quốc gia và Phụ lục kèm theo, bổ sung nội dung tại Phụ lục II Danh mục thông tin của Bộ Công Thương kết nối, chia sẻ qua Cổng thông tin một cửa quốc gia theo hướng cụ thể hơn: “thông tin lô hàng/doanh nghiệp được cấp C/O Việt Nam xuất khẩu đi các nước (bao gồm C/O cấp bởi các cơ quan, tổ chức được ủy quyền cấp)”, sửa tương ứng với thông tin lô hàng/doanh nghiệp bị thu hồi C/O để tránh lãng phí nguồn lực.

Nghị định về việc ban hành Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi và dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng thuế suất thông thường đối với hàng hoá nhập khẩu

- Về kiến nghị giảm thuế suất thuế xuất khẩu ống đồng

VCCI ủng hộ phương án 2 được nêu tại điểm c, mục 3.1 của Tờ trình: giữ nguyên mức thuế suất đối với các loại ống đồng có đường kính ngoài 50mm (5%) và giảm mức thuế xuất cho mặt hàng ống đồng có đường kính từ 50mm trở xuống, xuống mức 0%;



- Về ý kiến của doanh nghiệp giảm thuế nhập khẩu ưu đãi đối với xe điện

VCCI xin chuyển tới Ban soạn thảo một số ý kiến của doanh nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp về việc đề xuất giảm thuế nhập khẩu ưu đãi về 0% đối với xe ô tô điện trong thời hạn 2 năm để Ban soạn thảo tham khảo, cân nhắc điều chỉnh phương án trên. Cụ thể các lý do điều chỉnh:

- Tăng cường thêm giải pháp khuyến khích sử dụng xe chạy bằng động cơ điện thay vì xe chạy xăng dầu sử dụng nguồn nguyên liệu hoá thạch
- Giúp thúc đẩy chuyển dịch hành vi tiêu dùng
- Tăng lựa chọn về dòng xe ô tô sử dụng động cơ điện có giá thành ở phân khúc thấp
- Tạo ra một thị trường trong nước đủ lớn
- Thúc đẩy đầu tư về hạ tầng phục vụ ô tô điện và khuyến khích đầu tư nước ngoài mạnh mẽ trong lĩnh vực này

Nghị định sửa đổi Nghị định 126/2020/NĐ-CP, Nghị định 123/2020/NĐ-CP, Nghị định 15/2022/NĐ-CP về thuế, hóa đơn và chứng từ

Nhóm các quy định về trách nhiệm của sàn thương mại điện tử (TMĐT) liên quan đến nghĩa vụ thuế của người bán

- Các quy định mới cần phải cân nhắc thật sự thấu đáo để tránh tạo ra gánh nặng chi phí tuân thủ quá lớn cho các đối tượng trung gian này;



- Bỏ quy định về trách nhiệm kê khai, nộp thuế thay của các sàn TMĐT có chức năng đặt hàng trực tuyến tại Điều 1.2 Dự thảo do:

- Căn cứ pháp lý chưa thống nhất với Luật Quản lý thuế 2019, Nghị định 52/2013/NĐ-CP và Nghị định 85/2021/NĐ-CP được viện dẫn trong tờ trình đều không quy định về vấn đề này
- Quy định về chủ thể có trách nhiệm nộp thuế chưa thống nhất với Luật Thuế thu nhập cá nhân và Luật Thuế giá trị gia tăng
- Quy định về đại diện chưa thống nhất với Bộ luật Dân sự
- Quy định chưa phù hợp với bản chất hoạt động của sàn TMĐT
- Tạo ra gánh nặng chi phí tuân thủ cho sàn TMĐT

- Sửa đổi quy định về cung cấp thông tin tại Điều 1.7 Dự thảo theo hướng sàn TMĐT cung cấp thông tin về doanh thu (được hiểu là tổng giá trị đơn hàng) với tần suất 1 năm/lần giúp doanh nghiệp thuận lợi trong việc tổng hợp doanh thu của người bán và tránh tạo gánh nặng về chi phí tuân thủ.



Một số vấn đề khác

- Cơ quan thuế cần có các biện pháp nâng cấp bảo mật của hệ thống thông tin để đảm bảo sự an toàn trước các cuộc tấn công mạng, theo đó bổ sung quy định về cơ chế xác định lỗi khi phát hiện trường hợp lộ, lọt dữ liệu: Dữ liệu được truyền qua nhiều bên, từ doanh nghiệp đến Tổng cục Thuế rồi chuyển về các cơ quan thuế địa phương;

- Bổ sung hướng dẫn, làm rõ quy định về trách nhiệm kê khai, nộp thuế thay với hoạt động khai thác tài sản đảm bảo của tổ chức tín dụng hoặc tổ chức được tổ chức tín dụng uỷ quyền khai thác tài sản bảo đảm do quy định này hiện gây khó khăn cho cả tổ chức tín dụng và doanh nghiệp trong việc xác định chi phí liên quan đến tài sản bảo đảm;

- Sửa đổi quy định về kê khai, nộp thuế thay với khoản thưởng, hỗ trợ doanh số, khuyến mại của tổ chức chi trả do quy định này tạo ra gánh nặng chi phí vận hành lớn, gánh nặng hành chính không hợp lý lên doanh nghiệp;

- Bổ sung quy định về điều chỉnh hóa đơn trong trường hợp đặc thù đối với trường hợp hoàn phí dịch vụ khi đạt được một số tiêu chí nhất định nhằm tạo cơ sở pháp lý giải quyết trường hợp này.



Nghị quyết về mức thuế bảo vệ môi trường đối với xăng, dầu, mỡ nhờn

- Về lâu dài, đề nghị Bộ Tài chính tiếp tục nghiên cứu, đánh giá tác động của việc bãi bỏ thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB) đối với xăng và có văn bản báo cáo Quốc hội vào kỳ họp tới;

- Cân nhắc kỹ hơn phương án cắt giảm thuế nhập khẩu đối với xăng dầu hoặc thuyết minh chi tiết hơn lý do không lựa chọn phương án này, vấn đề này thuộc thẩm quyền của Chính phủ và hoàn toàn có thể làm ngay trong tháng 7 năm 2022;

- Bổ sung các thuyết minh về tác động tổng thể đến thu ngân sách trong trường hợp thực hiện phương án giảm thuế bảo vệ môi trường (BVMT) như đề xuất để giúp cơ quan có thẩm quyền có thêm cơ sở để ra quyết định.



VCCI đồng tình với tính cần thiết và cấp thiết của việc giảm các nghĩa vụ thuế của mặt hàng xăng dầu nhằm đáp ứng mục tiêu kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, hỗ trợ doanh nghiệp và phục hồi nền kinh tế trong giai đoạn hiện nay.

“Theo VCCI, việc giảm thuế BVMT đặt trong bối cảnh giá xăng dầu tăng cao, dẫn đến các khoản thu theo thuế suất tương đối (gồm thuế TTĐB, thuế giá trị gia tăng và thuế nhập khẩu) tăng mạnh. Do đó, tác động tổng thể đến thu ngân sách sẽ không lớn như được trình bày trong dự thảo Tờ trình.”

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Trong Quý II, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam đã thực hiện góp ý đối với 02 Dự thảo do Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì soạn thảo, cụ thể như sau:

Nghị định sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai (Điều 1)

- Xem xét quy định về đấu giá quyền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất:

- Làm rõ quy định thể nào là nhà đầu tư “có kinh nghiệm trong việc thực hiện các dự án đầu tư có sử dụng đất (điểm b khoản 1 Điều 17a)”
- Bỏ quy định yêu cầu trước khi tham gia đấu giá, nhà đầu tư phải thực hiện ký quỹ theo quy định tại pháp luật đầu tư (điểm c khoản 1 Điều 17a) nhằm đảm bảo tính thống nhất với pháp luật về đầu tư



- Sửa đổi quy định về khoản tiền đặt trước theo hướng dẫn chiếu sang quy định của pháp luật về đấu giá tài sản để đảm bảo tính thống nhất
- Bỏ quy định yêu cầu người tham gia đấu giá tự ý bỏ khoản tiền đặt trước sẽ phải bồi thường cho Nhà nước thêm khoản tiền bằng giá trị tiền đặt trước, sau khi nộp đủ tiền bồi thường mới được nhận lại tài sản thế chấp, nếu không sẽ bị khấu trừ vào tài sản thế chấp. Quy định này chưa đảm bảo về các tính minh bạch, thống nhất và hợp lý, ngoài ra có thể tạo ra rào cản đối với các doanh nghiệp tham gia đấu giá, từ đó làm giảm tính cạnh tranh của hình thức lựa chọn này;

- Điều chỉnh mức phạt phù hợp hơn trong trường hợp tự ý hủy kết quả trúng đấu giá, việc quy định giá trị tiền nộp phạt tương đương 50% giá trị quyền sử dụng đất trúng

đấu giá là quá lớn, có thể tạo ra tâm lý e ngại cho những người tham gia đấu giá và giảm tính cạnh tranh của hình thức này;



- Bổ sung quy định về tiêu chí xác định, cơ sở hạ tầng – kỹ thuật, quyền sở hữu của người nước ngoài các loại công trình như căn hộ – khách sạn; căn hộ du lịch nghỉ dưỡng trên đất thương mại và dịch vụ... và vấn đề chuyển tiếp quy định đối với các công trình xây dựng trên đã triển khai trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực, từ đó giúp đảm bảo tính đồng bộ của pháp luật và thuận lợi khi triển khai.

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 44/2014/NĐ-CP quy định về giá đất (Điều 2)

- Sửa đổi quy định về thông tin trong việc xác định giá đất (khoản 1 Điều 1 Dự thảo sửa đổi, bổ sung Điều 4 Nghị định 44/2014/NĐ-CP), cụ thể:

- Bổ sung khoản 2 Điều 4 thành "khi áp dụng các phương pháp định giá đất phải ưu tiên lựa chọn các thông tin tương đồng nhất và phát sinh gần nhất với thời điểm định giá và tại khu vực định giá đất" bởi cần phải có thông tin tương đồng nhất, các thông tin gần nhất chưa chắc đã tương đồng nhất;
- Xem xét lại tính khả thi của quy định về trách nhiệm của UBND cấp tỉnh trong việc điều tra, theo dõi, cập nhật, quản lý chỉ số biến động giá đất thị trường tại địa phương, nhất là đánh giá về năng lực và nhân lực của cơ quan địa phương để thực hiện;



- Sửa đổi quy định về phương pháp so sánh trực tiếp (khoản 2 Điều 2 Dự thảo bổ sung Điều 4a), cụ thể:

- Quy định cụ thể hơn là phương pháp so sánh trực tiếp được áp dụng để định giá đất khi trên thị trường có ba thửa đất...do việc quy định "các" thửa đất là chưa đủ rõ ràng;
- Bỏ quy định "giá đất đã giao dịch thành công trên thị trường do người chuyển nhượng hoặc người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất cung cấp thông qua phỏng vấn trực tiếp". Có thể thay thế bằng thông tin thu thập từ công ty môi giới bất động sản;
- Bỏ quy định về việc không điều tra đối với thửa đất không đủ điều kiện giao dịch vì quy định này là thừa, những thửa đất không đủ điều kiện giao dịch sẽ không phát sinh thông tin để thu thập;
- Làm rõ khái niệm "thửa đất mẫu" tại khoản 3 Điều 4a để đảm bảo tính minh bạch.

Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 201/2013/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước

- Bổ sung quy định làm rõ nội dung về đại diện cộng đồng dân cư, tổ chức, cá nhân liên quan trong hoạt động ý kiến kiến do việc quy định không rõ ràng có thể gây khó khăn cho doanh nghiệp trong việc hoàn thành quy trình lấy ý kiến để tiến hành các thủ tục tiếp theo;

- Rà soát lại các quy định về các trường hợp khai thác, sử dụng tài nguyên nước phải đăng ký để tránh trùng lặp và bỏ quy định về yêu cầu đăng ký đối với trường hợp tái sử dụng tuần hoàn nước dưới đất để tuyển quặng trong các mỏ khoáng sản do quy định này sẽ khiến doanh nghiệp phải thực hiện cùng lúc hai thủ tục liên quan đến tài nguyên nước cho cùng một dự án;



- Bổ quy định yêu cầu trường hợp khai thác, sử dụng nước mặt cho mục đích sinh hoạt phải lắp đặt hệ thống quan trắc tự động chất lượng nguồn nước khai thác do quy định này là không cần thiết và gây tốn kém chi phí cho doanh nghiệp;

- Bổ sung quy định cho phép lồng ghép thủ tục điều chỉnh trong thủ tục gia hạn giấy phép để hạn chế gây khó khăn và tốn kém chi phí cho doanh nghiệp;

- Sửa đổi quy định về trả lại giấy phép theo hướng doanh nghiệp sẽ nộp lại giấy phép cho cơ quan cấp phép mới, cơ quan cấp phép mới có trách nhiệm thông báo cho cơ quan cấp phép trước đây để tránh phát sinh thêm thủ tục hành chính;

- Sửa đổi Hồ sơ cấp lại giấy phép tài nguyên nước theo hướng Hồ sơ chỉ bao gồm Mẫu đơn đề nghị cấp lại giấy phép do thủ tục cấp lại thường được thiết kế rất đơn giản (Góp ý tương tự đối với Hồ sơ đề nghị trả lại giấy phép);

- Sửa đổi quy định về thời gian giải quyết thủ tục cấp lại gồm: *thời gian xem xét tính hợp lệ của hồ sơ*: 01 ngày, *thời gian xem xét cấp lại giấy phép*: 02 ngày vì thủ tục cấp lại tương đối đơn giản, không cần tốn quá nhiều thời gian của cơ quan thẩm định;

- Sửa đổi quy định về đăng ký khai thác tài nguyên nước mặt, nước mặt theo hướng chỉ áp dụng với các công trình mới để phù hợp với quy định tại Điều 152 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015 về hồi tố hiệu lực văn bản và thủ tục đăng ký nên được thiết kế theo hướng tự khai, tự chịu trách nhiệm;

- Bổ sung các nội dung về yêu cầu, điều kiện; thành phần hồ sơ; trình tự, thủ tục; thẩm quyền cấp phép đối với Thủ tục chấp thuận sử dụng mặt nước hồ chứa để nuôi trồng thủy sản, kinh doanh du lịch, giải trí để đảm bảo tuân thủ Nghị định 63/2010/NĐ-CP về kiểm soát thủ tục hành chính.

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Trong Quý II, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam đã thực hiện góp ý đối với 01 Dự thảo do Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì soạn thảo về:

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện

- Bổ sung rõ quy định về các điều kiện cụ thể trong giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện vào trong luật này để đảm bảo tính minh bạch;
- Bỏ quy định về việc thu hồi giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện khi doanh nghiệp không sử dụng tần số trong hai năm đối với trường hợp cấp phép qua đấu giá. Lưu ý, CQNN vẫn có thể tiến hành thu hồi nếu doanh nghiệp không thực hiện nghĩa vụ tài chính để duy trì quyền sử dụng tần số, băng tần. Điều này có thể sẽ giúp tăng thêm các đơn vị tham gia đấu giá, giúp cuộc đấu giá trở nên cạnh tranh và lành mạnh hơn;
- Sửa quy định về cam kết triển khai mạng viễn thông theo hướng uỷ quyền cho Chính phủ hướng dẫn nội dung này, thay vì giao Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông như tại dự thảo do các quy định này liên quan trực tiếp đến quyền kinh doanh của doanh nghiệp, theo tinh thần của Luật Đầu tư, các quy định này cần thiết phải được quy định cụ thể ngay ở cấp luật hoặc nghị định;



- VCCI cho rằng quy định về lượng băng tần cho hệ thống thông tin di động mặt đất công cộng tối đa được cấp cho các doanh nghiệp cần được soạn thảo theo hướng nhằm tránh nguy cơ bị bóp méo trong quá trình thực thi, cụ thể như sau:

- Khi quyết định về lượng băng tần tối đa được cấp, cơ quan có thẩm quyền cần có báo cáo về hiện trạng và tác động cạnh tranh của các phương án chính sách, nhằm lựa chọn phương án tốt nhất
 - Thiết kế quy định áp dụng cho nhóm công ty chứ không chỉ cho từng công ty đơn lẻ
- Nghiên cứu, bổ sung một chính sách về điều chỉnh quy hoạch tần số, hướng đến một số nguyên tắc và quy định như sau:
- ▶ Nếu việc điều chỉnh quy hoạch tần số dẫn đến việc phải thu hồi các giấy phép sử dụng tần số đã cấp hoặc phải vứt bỏ, sửa chữa các thiết bị vô tuyến đang tồn tại trên thực tế, thì cần được lấy ý kiến các đối tượng chịu tác động và nên thuộc thẩm quyền của Thủ tướng. Việc điều chỉnh cũng cần có lộ trình phù hợp, đồng thời nghiên cứu thêm việc hỗ trợ chi phí chuyển đổi cho các chủ sở hữu thiết bị chịu tác động
 - ▶ Nếu việc điều chỉnh quy hoạch không dẫn đến việc phải thu hồi các giấy phép sử dụng tần số đã cấp hoặc vứt bỏ, sửa chữa các thiết bị vô tuyến đang tồn tại thì có thể được thực hiện nhanh chóng và thuộc thẩm quyền của Bộ Thông tin và Truyền thông.



BỘ TƯ PHÁP

Trong Quý II, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam đã thực hiện góp ý đối với 03 Dự thảo do Bộ Tư pháp chủ trì soạn thảo, cụ thể như sau:

Nghị định quy định về định danh và xác thực điện tử (phiên bản thẩm định)

“Theo quy định tại Dự thảo, dịch vụ định danh điện tử do cơ quan quản lý định danh và xác thực điện tử cung cấp. Như vậy, định danh điện tử đang được xây dựng như một dịch vụ công, do cơ quan nhà nước thực hiện, không phải là ngành nghề kinh doanh”



- Xem xét tính thống nhất với Luật Đầu tư 2020. Ngoài ra, việc CQNN thực hiện một ngành nghề kinh doanh là chưa phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của mình;

- Xác định rõ phạm vi điều chỉnh của Dự thảo này (đối với những giao dịch dân sự do một trong các bên thực hiện định danh điện tử sẽ không phải thực hiện theo quy định của Nghị định này) và giải trình rõ về mức độ 1 và mức độ 2 của tài khoản định danh điện tử của tổ chức khác nhau ở điểm nào để đảm bảo tính minh bạch;



- Xem xét một số nội dung về không gian để doanh nghiệp cung cấp dịch vụ xác thực điện tử hoạt động:

- Cần nhắc bỏ điều kiện “để được cung cấp dịch vụ xác thực điện tử là phải ký quỹ không kỳ hạn tại ngân hàng thương mại hoạt động tại Việt Nam số tiền 5.000.000.000 đồng (năm tỷ đồng)” do quy định này dường như chưa phù hợp với tính chất của quy định về điều kiện kinh doanh quy định tại Điều 7 Luật Đầu tư 2020;
- Bỏ bước thủ tục “cơ quan cấp phép sẽ hỏi xin ý kiến của các cơ quan liên quan” để đơn giản hóa quy trình cấp phép;
- Thay đổi quy trình thẩm định, chỉ cần thẩm định hồ sơ, không kiểm tra thực tế đồng thời xem xét rút ngắn thời gian cấp phép để tạo thuận lợi cho doanh nghiệp gia nhập thị trường;

- Rút ngắn thời gian giải quyết cấp lại Giấy phép cung cấp dịch vụ xác thực điện tử trong trường hợp bị mất, bị hư hỏng từ 10 ngày xuống còn 5 ngày, vì hồ sơ thẩm định rất đơn giản;

- Bổ sung quy định tại khoản 1 Điều 14 Dự thảo theo hướng các tài khoản được Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công, Hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp bộ, cấp tỉnh tạo lập trước thời gian 31/12/2023 muốn thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công trên môi trường điện tử sẽ được xác thực bởi tổ chức cung cấp dịch vụ xác thực điện tử để tránh làm mất khách hàng của doanh nghiệp;

- Sửa đổi quy định tại khoản 2 Điều 15 Dự thảo về thủ tục đăng ký tài khoản định danh điện tử theo hướng công dân đăng ký tài khoản định danh điện tử mức độ hai chỉ cần có thẻ CCCD hoặc hộ chiếu để tránh tạo ra những thủ tục phức tạp;

- Quy định rõ về trường hợp nào thì cơ quan có thẩm quyền yêu cầu khóa tài khoản định danh điện tử do đây là quy định ảnh hưởng đến quyền lợi của chủ thể có tài khoản định danh điện tử;

- Quy định rõ về trình tự thủ tục để doanh nghiệp lấy tiền ký quỹ trong trường hợp rủi ro xảy ra và quy định về việc tiếp nhận, duy trì cơ sở dữ liệu của tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ xác thực điện tử bị thu hồi giấy phép.

Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải

Đối với Nghị định số 70/2016/NĐ-CP về điều kiện cung cấp dịch vụ bảo đảm an toàn hàng hải (Điều 1 Dự thảo)

- Sửa đổi quy trình thủ tục giao tuyến dẫn tàu theo hướng giảm tầng nấc giải quyết thủ tục hành chính (TTHC), Cục Hàng hải là cơ quan thẩm định và ra quyết định mà không cần phải xin ý kiến chấp thuận của Bộ GTVT đồng thời rút ngắn thời gian giải quyết TTHC này để vừa tạo thuận lợi cho doanh nghiệp vừa đảm bảo tính ổn định của pháp luật;

Đối với Nghị định 37/2017/NĐ-CP về điều kiện kinh doanh khai thác cảng biển (Điều 2)

- Bỏ yêu cầu phải có GCNĐKDN (bản chụp có chứng thực/bản sao chụp kèm bản chính để đối chiếu hoặc văn bản điện tử/bản sao điện tử có giá trị pháp lý) khi làm hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khai thác cảng biển, bởi đây là thông tin có thể tra cứu được trong hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp;

- Quy định rõ những nội dung cần phải có trong “*Phương án khai thác cảng biển của doanh nghiệp cảng*” để đảm bảo thuận lợi trong quá trình thực hiện;



Đối với Nghị định 58/2017/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải (Điều 4)

- Xem xét quy định về thủ tục thỏa thuận việc đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cảng biển tạm thời theo hướng:

- Nghiên cứu, cân nhắc liệu có phân cấp thẩm quyền được trong trường hợp này không, để giảm các tầng nấc thực hiện TTHC. Đồng thời rút ngắn thời gian giải quyết TTHC khi đã giảm các tầng nấc thực hiện thủ tục
- Quy định rõ trong thời hạn UBND tỉnh phải trả lời trong trường hợp được lấy ý kiến. Để tránh trường hợp thủ tục kéo dài, gây khó khăn trong quá trình thực hiện

- Xem xét quy định về thủ tục gia hạn kết cấu hạ tầng cảng biển tạm thời theo hướng: Xem xét về việc phân cấp thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính đối với thủ tục này (tương tự góp ý trên); Làm rõ hồ sơ xin gia hạn, ý kiến của Cảng vụ Hàng hải và thủ tục để chủ đầu tư xin ý kiến này.

Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực đường bộ



Đối với Nghị định 125/2018/NĐ-CP, Nghị định 64/2016/NĐ-CP, Nghị định 11/2020/NĐ-CP về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

- Rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đào tạo trong trường hợp Giấy chứng nhận bị mất, bị hư hỏng từ 07 ngày xuống còn 05 ngày do đây là thủ tục rất đơn giản và cũng là thời hạn được đề xuất trong một số thủ tục tương tự lĩnh vực hàng hải – cũng đang được sửa đổi, bổ sung;
- Bỏ quy định về điều kiện học viên tham gia đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ phải “có năng lực hành vi dân sự; có đủ sức khỏe” vì đây là điều kiện không cần thiết, vì đó là đương nhiên;

Đối với Nghị định 65/2016/NĐ-CP về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe và dịch vụ sát hạch lái xe

- Bỏ quy định tại Nghị định 138/2018/NĐ-CP do Dự thảo đã sửa đổi quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị định 65/2016/NĐ-CP, mà quy định này trước đó đã được sửa đổi, bổ sung bởi quy định tại điểm b khoản 2 Điều 1 Nghị định 138/2018/NĐ-CP, nếu không bãi bỏ sẽ tạo ra sự xung đột pháp luật;

- Xem xét lại về xe tập lái để đảm bảo tính thống nhất, cụ thể tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị định 65/2016/NĐ-CP yêu cầu “*xe tập lái các hạng thuộc quyền sử dụng hợp pháp của cơ sở đào tạo lái xe*” trong khi đó điểm b lại yêu cầu xe tập lái “*thuộc sở hữu của cơ sở đào tạo lái xe*”.

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

Trong Quý II, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam đã thực hiện góp ý đối với 02 Dự thảo do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chủ trì soạn thảo, cụ thể như sau:

Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 89/2016/NĐ-CP quy định điều kiện đối với hoạt động đại lý đổi ngoại tệ, hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ của tổ chức kinh tế và Nghị định 88/2019/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng

- Bỏ quy định về điều kiện tổ chức tín dụng (TCTD) được phép uỷ quyền cho tổ chức kinh tế (TCKT) đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới là *phải có trụ sở chính và/hoặc chi nhánh tại tỉnh biên giới trên địa bàn nơi TCKT đặt đại lý đổi tiền* bởi quy định này chưa thực sự hợp lý do các TCTD có thể sử dụng nhiều cách thức và biện pháp khác nhau nhằm thực hiện việc kiểm tra, kiểm soát hoạt động của TCKT và hoạt động của đại lý đổi ngoại tệ khác có tính chất tương tự hoạt động này cũng không có yêu cầu như vậy;

- Bỏ quy định điều kiện của TCKT thực hiện hoạt động đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới là điều kiện về trụ sở chính, chi nhánh do điều này sẽ hạn chế quyền tự do kinh doanh và hoạt động của doanh nghiệp;

- Bỏ điều kiện *không bị xử phạt vi phạm hành chính về hoạt động đại lý đổi tiền* (điều kiện để gia hạn GCN hoạt động đại lý đổi ngoại tệ của nước có chung biên giới) bởi quy định này khiến doanh nghiệp phải chịu hai lần chế tài khác nhau cho cùng một hành vi vi phạm hành chính;



- Bỏ quy định trong trường hợp “*tăng số lượng đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới*” TCKT phải thực hiện thủ tục điều chỉnh GCN đồng thời bỏ nội dung cụ thể về các đại lý đổi tiền trên GCN hoặc giữ lại và điều chỉnh thủ tục theo hướng TCKT phải thực hiện thủ tục thông báo cho CQNN có thẩm quyền trong trường hợp tăng số lượng đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới, tương tự như thủ tục trong trường hợp giảm số lượng đại lý đổi tiền;

- Bỏ quy định khi thay đổi “*mức tồn quỹ tiền của nước có chung biên giới tiền mặt*” TCKT phải điều chỉnh GCN là chưa phù hợp và tạo gánh nặng về TTHC cho doanh nghiệp;

- Bỏ một số thành phần trong Hồ sơ đề nghị chấp thuận đăng ký đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới để đảm bảo tính hợp lý, gồm: Bản cam kết của TCKT kèm bản sao giấy tờ chứng minh (nếu có) về việc đặt đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới tại địa điểm; Cam kết của TCKT về việc chỉ làm đại lý đổi tiền của nước có chung biên giới cho một TCTD được phép; Bản sao giấy chứng nhận ĐKDN và Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh (nếu có);



- Sửa đổi quy định về thời gian giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến cấp Giấy chứng nhận cho doanh nghiệp như sau để đảm bảo tính hợp lý và tạo thuận lợi cho doanh nghiệp :

- Phân tách thời gian giải quyết các TTHC khác nhau;
- Thời gian giải quyết thủ tục cấp lại GCN đăng ký đại lý đổi tiền nên rút ngắn, ví dụ: thời gian xem xét tính hợp lệ của hồ sơ là 01 ngày, thời gian xem xét cấp lại GCN là: 02 ngày;
- Thời gian giải quyết thủ tục điều chỉnh GCN sẽ ngắn hơn thời gian cấp GCN lần đầu;
- Thời gian xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ 10 ngày làm việc, xem xét để chấp thuận cấp phép 30 ngày làm việc là quá dài, đề nghị rút ngắn xuống
- Cân nhắc một lộ trình về việc chuyển tiếp với cá nhân có hoạt động bàn đổi ngoại tệ phù hợp hơn, chẳng hạn 1 năm để tạo thuận lợi cho quá trình chuyển đổi.

Thông tư thay thế Thông tư 12/2014/TT-NHNN về điều kiện vay của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh

- Bổ sung đánh giá tác động về chính sách vay nước ngoài. Theo đó, làm rõ tác động của việc siết chặt các điều kiện vay nước ngoài không có bảo lãnh của Chính phủ đến các khoản vay, hoạt động của doanh nghiệp có liên quan đến ngoại tệ, chỉ tiêu về tổng hạn mức rút vốn ròng trung dài hạn và mức tăng dư nợ vay ngắn hạn nước ngoài được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt hàng năm;

- Làm rõ là phương án sử dụng vốn vay chỉ cần nêu thông tin về hoạt động sản xuất, kinh doanh có liên quan đến khoản vay nước ngoài, chứ không phải tất cả các thông tin về sản xuất, kinh doanh của Bên đi vay;

- Cân nhắc sự cần thiết của quy định Bên đi vay cung cấp nội dung *“iii) Đối với mục đích vay để cơ cấu khoản vay nước ngoài hiện hữu của bên đi vay: thông tin về khoản vay nước ngoài hiện hữu...và chứng minh khoản vay nước ngoài hiện hữu đáp ứng điều kiện vay nước ngoài theo quy định của pháp luật tại thời điểm thực hiện khoản vay.”* việc yêu cầu doanh nghiệp phải chứng minh lại khoản vay này đáp ứng điều kiện vay tại thời điểm thực hiện khoản vay là không cần thiết;

- Sửa đổi quy định về chi phí vay nước ngoài theo hướng: TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép chủ động thương lượng các chi phí vay nước ngoài bảo đảm tỷ lệ an toàn theo Luật TCTD và các quy định pháp luật có liên quan đối với Bên vay không phải là TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

- Quy định mức trần chi phí vay được tính trên lãi suất tham thiếu hoặc SOFR Term Rate tại thời điểm các Bên thoả thuận chốt lãi suất được nêu cụ thể trong thoả thuận vay nước ngoài để đảm bảo tính hợp lý của quy định;

- Nghiên cứu bổ sung phương án xử lý trong trường hợp có thoả thuận sửa đổi, bổ sung về chi phí vay dẫn tới vượt quá trần chi phí quy định, bổ sung một số các chi phí thuộc diện được loại trừ như: phí chậm rút vốn, các loại phí liên quan đến trả nợ trước hạn;

- Làm rõ quy định về trường hợp tổ chức tín dụng được phép phát hiện thông tin về chi phí vay nước ngoài của Bên đi vay không bảo đảm các quy định về cách tính, giới hạn an toàn thì giải quyết như thế nào, có quyền yêu cầu Bên đi vay giải thích hoặc sửa đổi Bảng dự tính hay không?

- Dẫn chiếu quy định có liên quan hoặc bổ sung quy định làm cơ sở cho các đối tượng tuân thủ trong quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là một trong các tổ chức đại diện xử lý tài sản đảm bảo;

- Làm rõ thêm các tiêu chí đánh giá “Bên đi vay dự kiến có đủ nguồn thu ngoại tệ để trả nợ” và cả các trường hợp loại trừ giúp tạo điều kiện cho các doanh nghiệp có nguồn ngoại tệ khác để trả nợ có thêm không gian hoạt động.



QUỐC HỘI

Trong Quý II, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam đã thực hiện góp ý đối với 03 Dự thảo do Quốc hội chủ trì soạn thảo, cụ thể như sau:

Luật Điện ảnh (sửa đổi)

- Cân nhắc một cơ chế xây dựng và vận hành trường quay với sự tham gia của cả Nhà nước và doanh nghiệp, trong đó: (i) doanh nghiệp sẽ thực hiện trách nhiệm đầu tư xây dựng, vận hành trường quay; (ii) Nhà nước thực hiện hỗ trợ tài chính cho doanh nghiệp xây dựng một số hạng mục quan trọng của trường quay; (iii) Nhà nước có cơ chế hỗ trợ tài chính cho các đoàn làm phim sử dụng trường quay như chi trả một phần chi phí sử dụng trường quay; hỗ trợ phần thuế, phí liên quan đến chi phí sử dụng trường quay... nhằm giải quyết được những vấn đề khó khăn trong huy động vốn và nhu cầu của thị trường;

- Bổ quy định tại Điều 9.1 Dự thảo quy định các nội dung bị cấm trong hoạt động, trong đó có *bí mật đời tư của cá nhân (khoản e); vu khống, xúc phạm uy tín của tổ chức và danh dự, nhân phẩm của cá nhân (khoản g)* và thực hiện theo quy định của pháp luật dân sự. Cụ thể, nếu cá nhân, tổ chức cho rằng nội dung đó xâm phạm đến quyền và lợi ích của mình có thể thực hiện bảo vệ quyền dân sự thông qua biện pháp tố tụng tại Tòa án hoặc trọng tài;

- Tương tự, bổ quy định về sản xuất, phát hành, phổ biến và lưu trữ phim không tuân thủ các quy định của Luật Sở hữu trí tuệ (Điều 9.2.d) để thực hiện theo các biện pháp bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ theo pháp luật sở hữu trí tuệ;



- Xem xét quy định về cung cấp dịch vụ sản xuất phim cho tổ chức, cá nhân nước ngoài phải thực hiện cấp phép ở những điểm sau đây:

- Sửa đổi phạm vi kiểm soát nội dung phim chỉ giới hạn trong các nội dung về lịch sử, tư tưởng
- Không cân nhắc, đề xuất phương án yêu cầu toàn bộ kịch bản phim bằng Tiếng Việt do điều này sẽ tạo ra tâm lý lo ngại cho đoàn làm phim nước ngoài, có thể ảnh hưởng đến việc thu hút các phim nước ngoài đến quay tại Việt Nam
- Bổ sung phương án không yêu cầu cấp phép với dịch vụ quay phim sử dụng bối cảnh Việt Nam cho tổ chức, cá nhân nước ngoài để Quốc hội cân nhắc, quyết định

“Nhu đã trình bày tại Công văn 0226/PTM-PC ngày 01/3/2022 của VCCI, việc cấp phép với dịch vụ này, trong đó trọng điểm liên quan đến việc kiểm duyệt kịch bản phim, sẽ tạo ra sự lo ngại của đoàn làm phim nước ngoài khi lựa chọn Việt Nam làm địa điểm quay, từ đó ảnh hưởng đến chính sách quảng bá và thu hút du lịch qua điện ảnh.”

- Bổ sung quy định cụ thể cơ chế điều chỉnh nội dung, chẳng hạn CQNN có trách nhiệm liệt kê các nội dung phim cần điều chỉnh, kèm giải thích chi tiết về loại vi phạm để doanh nghiệp biết và thực hiện điều chỉnh cho phù hợp;

- Sửa đổi nội dung về trách nhiệm của các doanh nghiệp viễn thông với phim phổ biến trên không gian mạng cho phù hợp bởi những doanh nghiệp này chỉ có thể ngăn chặn việc truy cập với dịch vụ, ứng dụng của doanh nghiệp có hành vi vi phạm, chứ không có khả năng ngăn chặn, gỡ bỏ cụ thể một phim cụ thể trên dịch vụ, ứng dụng.



Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ

- Bổ sung các quy định liên quan đến chuyển đổi số, trong đó có một số thủ tục cần được thực hiện trực tuyến:

- Đăng ký, xác lập quyền sở hữu công nghiệp trực tuyến. Hiện tại Dự thảo Luật chỉ mới quy định nộp hồ sơ đăng ký quyền tác giả, quyền liên quan qua Cổng dịch vụ công trực tuyến (khoản 27 Điều 1 sửa đổi bổ sung Điều 50, nộp Đơn khiếu nại lần đầu (khoản 3 Điều 119.a);
- Tra cứu khả năng bảo hộ trực tuyến;
- Tra cứu cơ sở dữ liệu về nhãn hiệu hàng hoá, kiểu dáng công nghiệp, dữ liệu này cần được cập nhật (*theo đánh giá của nhiều doanh nghiệp và chuyên gia thì hiện nay hệ thống cơ sở dữ liệu của Cục Sở hữu trí tuệ không đầy đủ và không được cập nhật kịp thời, không ổn định*);

- Bổ sung chế định ghi nhận, bảo hộ các loại tài sản trí tuệ trên môi trường số theo hướng bảo vệ quyền tài sản cá nhân, quyền sở hữu cá nhân với dữ liệu, bảo đảm và thúc đẩy các giao kết hợp đồng;



- Quy định rõ các loại tác phẩm thuộc sở hữu nhà nước, nếu sử dụng thì phải xin phép (bổ sung khoản a) trong Điều 42 quy định về sử dụng tác phẩm thuộc sở hữu nhà nước và quy định rõ việc sử dụng các tác phẩm được quy định tại Khoản còn lại thì không cần phải xin phép;
- Bổ sung người nuôi dưỡng và chăm sóc người khuyết tật vào đối tượng được sử dụng các định dạng dễ tiếp cận của tác phẩm do các tổ chức này sao chép, phân phối, truyền đạt, biểu diễn, xuất và nhập khẩu (ví dụ trong trường hợp người khuyết tật là trẻ em). Sửa quy định thành: *“Khuyến khích các tổ chức này áp dụng các biện pháp cần thiết để quản lý các bản sao dưới định dạng dễ tiếp cận do họ phân phối và truyền đạt chỉ phục vụ người khuyết tật, người nuôi dưỡng và chăm sóc người khuyết tật”*;
- Bổ sung vào khoản 3 Điều 73 Dự thảo về dấu hiệu loại trừ (không được bảo hộ) với danh nghĩa nhãn hiệu đối với việc đăng ký, sử dụng tên tuổi, hình ảnh của nghệ nhân, nghệ sỹ nổi tiếng tại Việt Nam nhằm gây nhầm lẫn cho NTD.

- Bổ sung một số quy định tại Điều 74 Dự thảo về khả năng phân biệt của nhãn hiệu gồm:

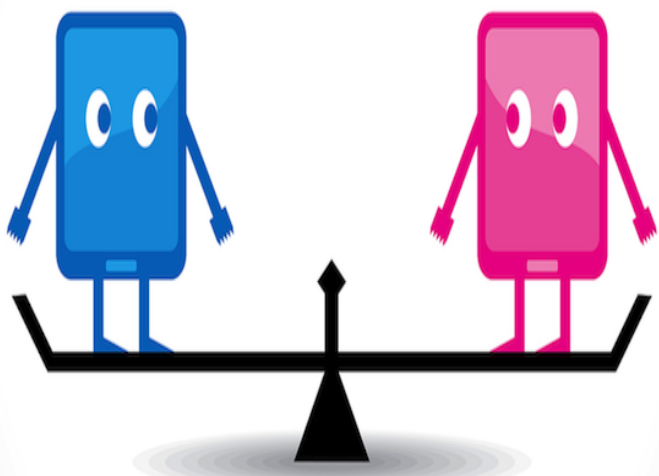
- Không được bảo hộ như nhãn hiệu đối với các trường hợp *“dấu hiệu đã được sử dụng phổ biến trong hoạt động sản xuất, kinh doanh”* mà không thuộc các trường hợp khác đã được liệt kê trong điểm a khoản 2 Điều 74, ví dụ, trường hợp tên miền quốc gia, quốc tế như .vn, .com.vn hoặc .com, .net...
- Bổ sung quy định cấp văn bằng bảo hộ cho nhãn hiệu theo đơn nộp sau, nếu tại thời điểm xem xét cấp văn bằng bảo hộ, đã có quyết định chấm dứt hiệu lực của đăng ký nhãn hiệu đối chứng trên cơ sở 05 không sử dụng nhãn hiệu (thay vì lùi về ngày ưu tiên của đơn đang được xem xét)
- Bổ sung cơ chế phân chia hợp lý lợi ích giữa Nhà nước, cơ quan chủ trì và tác giả đối với tài sản trí tuệ/kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ (KH&CN) do Nhà nước đầu tư theo yêu cầu của Nghị quyết số 20-NQ/TW và rà soát đảm bảo tương thích với các quy định trong các Luật chuyên ngành khác;
- Không nên tách nhiệm vụ KH&CN riêng và quy định giống cây trồng được chọn tạo hoặc phát hiện và phát triển là kết quả của nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước thì *“không phải bồi hoàn”* vì nhiệm vụ KH&CN được giao cho tổ chức, cá nhân cũng chính là tiền từ ngân sách của Nhà nước và không thể quy định bồi hoàn hay không trong Luật SHTT vì quy định này liên quan đến việc điều chỉnh thương mại;

- Làm rõ quy định về kiểm soát an ninh đối với sáng chế trước khi đăng ký ra nước ngoài để đảm bảo thu hút đầu tư nước ngoài trong hoạt động nghiên cứu, triển khai khoa học kỹ thuật tại Việt Nam, tạo điều kiện thuận lợi cho việc bảo hộ tại nước ngoài sáng chế được tạo ra tại Việt Nam;
- Bổ sung thủ tục xin cấp phép nộp đơn sáng chế ra nước ngoài (hoặc xác định sáng chế không phải là sáng chế mật) với thủ tục đơn giản (người nộp đơn chỉ cần kèm theo yêu cầu cấp phép bản tóm tắt sáng chế), và giấy phép/ xác nhận sáng chế không phải là sáng chế mật có thể được cấp trong thời hạn 01 tháng;
- Bổ sung căn cứ xác định mức BTTH do xâm phạm quyền SHTT đối với hành vi vi phạm cố ý (không phụ thuộc vào việc chứng minh thiệt hại thực tế), từ đó góp phần nâng cao ý thức tôn trọng pháp luật SHTT, tạo ra một môi trường an toàn để các nhà đầu tư trong và ngoài nước yên tâm đầu tư công nghệ, đầu tư sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam;
- Xem xét quy định về thủ tục phản đối sẽ bắt đầu từ ngày CQNN có thẩm quyền hoàn tất thẩm định nội dung bằng việc thông báo dự định cấp văn bằng bảo hộ. Cách tiếp cận này sẽ xây dựng được cơ chế phản đối linh hoạt;
- Sửa đổi h khoản 1 Điều 95 như sau: *h) Chủ sở hữu nhãn hiệu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng nhãn hiệu được bảo hộ cho hàng hóa, dịch vụ gây nhầm lẫn cho công chúng, đặc biệt là về bản chất, chất lượng hoặc nguồn gốc địa lý của hàng hóa hoặc dịch vụ đó để thể hiện chính xác tinh thần của quy định tương ứng của EVFTA;*
- Sửa đổi quy định điểm a khoản 1 Điều 211 về xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi xâm phạm SHTT theo hướng để yêu cầu áp dụng biện pháp xử phạt hành chính, không nhất thiết phải chứng minh hành vi xâm phạm gây thiệt hại cho chủ sở hữu quyền để nâng cao hiệu quả thực thi xử lý xâm phạm về quyền SHTT;
- Quy định cụ thể hơn về thẩm quyền của trọng tài thương mại trong Luật SHTT để tránh khó khăn trong việc xác định thẩm quyền;



- Một số đề xuất để giải quyết tình trạng xung đột trong bảo hộ nhãn hiệu và tên thương mại:

- Quy định thống nhất dữ liệu và thông suốt thông tin về tên thương mại khi đăng ký nhãn hiệu tại Cục SHTT và thông tin về nhãn hiệu khi đăng ký kinh doanh
- Quy định một thời hạn để những doanh nghiệp đăng ký thành lập sau mà bị trùng tên thì phải đổi tên hoặc bổ sung tên địa danh
- Sửa đổi quy định về điều kiện bảo hộ tên thương mại và nhãn hiệu theo hướng sẽ không được bảo hộ khi trùng hoặc tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu hay tên thương mại đang được bảo hộ của chủ thể khác, sử dụng cho những hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự, có khả năng gây nhầm lẫn
- Bổ sung những quy định tên thương mại bị coi là xâm phạm khi trùng hoặc tương tự với nhãn hiệu đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi hoặc nhãn hiệu nổi tiếng của chủ thể khác
- Có hướng dẫn cụ thể về phạm vi bảo hộ tên thương mại, thời điểm xác lập quyền đối với tên thương mại
- Đơn giản thủ tục và rút ngắn thời gian cho việc cơ quan đăng ký kinh doanh buộc đổi tên doanh nghiệp trong trường hợp tên thương mại đó vi phạm nhãn hiệu đang được bảo hộ



- Bổ sung quy định về uỷ quyền ký tờ khai đăng ký quyền tác giả, quyền liên quan, đặc biệt là các thủ tục uỷ quyền để thuận tiện trong áp dụng;
- Đưa ra cơ chế để chủ sở hữu sáng chế có liên quan có thể kéo dài thời hạn bảo hộ của sáng chế trong trường hợp vì *sự chậm trễ trong việc cấp phép lưu hành được phẩm* để phù hợp với quy định của EVFTA;
- Sửa đổi các quy định về cam kết về các biện pháp khẩn cấp tạm thời (về thời điểm, tình huống, điều kiện có thể yêu cầu áp dụng), cam kết về bảo hộ chống lại hành vi cạnh tranh không lành mạnh trong SHTT (về các hành vi cạnh tranh không lành mạnh, chủ thể thực hiện hành vi), biện pháp công nghệ bảo vệ quyền (giới hạn bảo hộ) để bảo đảm tương thích với EVFTA;
- Làm rõ một số thuật ngữ sau để đảm bảo tính minh bạch, rõ ràng bao gồm sao chép, bản sao để tiếp cận, dụng ý xấu.

Luật Kinh doanh bảo hiểm

- Bổ sung quy định dạng quét tại khoản 5 Điều 4 như sau: *“Hoạt động đại lý bảo hiểm là một hoặc một số hoạt động bao gồm tư vấn, giới thiệu, chào bán sản phẩm bảo hiểm, thu xếp việc giao kết hợp đồng bảo hiểm, thu phí bảo hiểm, thu thập hồ sơ để phục vụ việc giải quyết bồi thường, trả tiền bảo hiểm và các công việc khác nhằm thực hiện hợp đồng bảo hiểm theo uỷ quyền của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài”* để đảm bảo quy định phù hợp với thực tế;
- Bỏ quy định phải có bằng chứng xác nhận bên mua đã được giải thích và hiểu rõ các nội dung về loại trừ trách nhiệm bảo hiểm, mục đích là bảo vệ quyền lợi của người mua, tuy nhiên quy định này có thể tạo ra sự bất bình đẳng giữa các bên và thủ tục phiền hà khi giao kết hợp đồng;



- Bỏ quy định về việc yêu cầu doanh nghiệp bảo hiểm phải thông báo khi thay đổi Điều lệ, bởi sẽ làm gia tăng gánh nặng về TTHC cho các doanh nghiệp, đi ngược lại với định hướng đơn giản hóa TTHC của Việt Nam và cũng không thống nhất với quy định của Luật Doanh nghiệp;
- Bỏ quy định về việc yêu cầu doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm được thành lập dưới hình thức công ty TNHH, CTCP phải thành lập bộ phận kiểm toán nội bộ bởi quy định này chưa hợp lý, dẫn đến gia tăng chi phí kinh doanh cho doanh nghiệp, theo đó cho phép thuê ngoài kiểm toán nội bộ theo quy định tại Điều 88 Dự thảo;



- Sửa đổi quy định về quản trị rủi ro (Điều 85) theo hướng: “Có khả năng xác định và đánh giá mức độ rủi ro phù hợp với tính chất, phạm vi và mức độ phức tạp của các rủi ro phát sinh từ hoạt động kinh doanh, các tác động đến vốn, an toàn hoạt động và an toàn tài chính và các tác động khác tới hoạt động kinh doanh;”
- Bỏ cụm từ “*Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm*” trong quy định tại điểm a khoản 2 Điều 88 Dự thảo, do việc quy định những chủ thể này phê duyệt quy chế về hoạt động thuê ngoài là không cần thiết và dường như can thiệp vào quy trình nội bộ của doanh nghiệp;
- Bỏ quy định về “*bên nhận thuê ngoài phải đảm bảo tự thực hiện tối thiểu 75% giá trị công việc nhận thuê ngoài ...*”, do việc quy định cứng tỉ lệ dường như đang can thiệp vào quyền tự do thỏa thuận của các bên trong hợp đồng;
- Xem xét Điều 99 Dự thảo để làm rõ hướng sửa đổi theo Tờ trình về việc “*tòa án mở thủ tục giải quyết yêu cầu tuyên bố phá sản, tuyên bố doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm phá sản và áp dụng ngay thủ tục thanh lý tài sản*”;

- Bỏ quy định yêu cầu doanh nghiệp phải công khai thường xuyên “*quy tắc, điều khoản, biểu phí của từng sản phẩm bảo hiểm đang cung cấp*” do chưa phù hợp với thực tế, ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
- Bỏ quy định yêu cầu doanh nghiệp phải công khai thường xuyên “*thông tin về an toàn vốn: các mục tiêu, chính sách đánh giá mức độ đủ vốn; vốn thực có và tỷ lệ an toàn vốn*” vì cơ quan quản lý đã có thông tin này thông qua các báo cáo của doanh nghiệp;
- Bỏ quy định yêu cầu tổ chức hoạt động đại lý bảo hiểm phải đáp ứng điều kiện “*đã đăng ký ngành, nghề kinh doanh hoạt động đại lý bảo hiểm theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Đối với các tổ chức hoạt động trong ngành nghề kinh doanh có điều kiện thì giấy phép, giấy chứng nhận hoặc văn bản xác nhận, chấp thuận khác (nếu có) của cơ quan có thẩm quyền có nội dung hoạt động đại lý bảo hiểm*” do chưa phù hợp với tinh thần của Luật Doanh nghiệp, ngoài ra có thể tạo rủi ro cho doanh nghiệp;
- Quy định tất cả điều kiện kinh doanh của hoạt động đại lý bảo hiểm tại Luật, trao quyền cho Chính phủ quy định chi tiết.



VĂN BẢN ĐỊA PHƯƠNG

Trong Quý II, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam đã thực hiện góp ý đối với 02 Dự thảo do các cơ quan địa phương tỉnh Cao Bằng chủ trì soạn thảo, cụ thể như sau:

Tờ trình và Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

- Lý giải trong Tờ trình về sự cần thiết ban hành Nghị quyết gồm các nội dung về cơ sở pháp lý và việc đáp ứng yêu cầu thực tiễn của Nghị quyết;

- Về quan điểm chỉ đạo, cần xem xét và bổ sung việc đảm bảo phù hợp với thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh; kế thừa những quy định còn phù hợp của Nghị quyết số 22/2018/NQ-HĐND ngày 12/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng và/hoặc các văn bản quy phạm pháp luật đã ban hành trước đây về vấn đề này;



- Rà soát lại và điều chỉnh lại quy định về nhóm đối tượng áp dụng, Nghị quyết quy định về mức thu, chế độ thu, thì đối tượng áp dụng sẽ phải gồm bên nộp, bên thu và các bên liên quan;

- Nêu rõ quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết gồm: Thành lập cơ quan soạn thảo; Xây dựng dự thảo, tờ trình và các tài liệu khác thuộc hồ sơ (nếu có); Tổ chức lấy ý kiến; Tổ chức thẩm tra...

- Điều chỉnh giảm mức thu đối với Hộ kinh doanh ở Nghị quyết dựa theo quan điểm giảm lệ phí đăng ký kinh doanh để khuyến khích các loại hình doanh nghiệp cùng phát triển.

Quyết định và nội dung Quyết định về quy trình chuyển đổi mô hình kinh doanh, khai thác và quản lý chợ trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

- Trình bày rõ thời điểm có hiệu lực của Quyết định và các cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm thi hành Quyết định;
- Chuyển khoản 1 và 3 của Điều 2 (Đối tượng áp dụng) lên Điều 1 (Phạm vi điều chỉnh) do các quy định này nhắc đến việc điều chỉnh đối với các chợ;
- Bổ sung quy định sau vào nguyên tắc chuyển đổi “6. Nhà nước không giữ cổ phần chi phối trong các Doanh nghiệp hoặc Hợp tác xã kinh doanh, khai thác và quản lý chợ (trừ một số chợ đầu mối, chợ hạng 1 nằm ở vị trí trung tâm có tầm ảnh hưởng kinh tế của huyện, thị, thành sẽ do UBND tỉnh quyết định nắm cổ phần chi phối)”;



- Bổ sung các chủ thể sau “đại diện tổ chức, cá nhân đang kinh doanh, khai thác chợ được chuyển đổi; lãnh đạo các tổ chức chính trị, chính trị – xã hội, đoàn thể và lãnh đạo, chuyên viên các phòng, ban thuộc UBND cấp huyện, cấp xã khác (nếu cần)” vào quy định về thành viên ban chuyển đổi chợ cấp huyện nhằm đảm bảo công khai, minh bạch và tạo sự đồng thuận cao;

- Bổ sung trong phương án cơ chế khuyến khích hỗ trợ việc chuyển đổi mô hình chợ đối với những chợ thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế khó khăn, chợ có khả năng thu hồi vốn chậm, khó khăn trong quá trình chuyển đổi mô hình chợ thì đơn vị lập phương án chuyển đổi mô hình chợ đề xuất cơ chế hỗ trợ để việc chuyển đổi được tiến hành thuận lợi;
- Bổ sung một khoản làm rõ về việc lấy ý kiến về phương án chuyển đổi chợ với các hộ kinh doanh trong chợ, điều này sẽ tạo sự đồng thuận cao hơn trong quá trình chuyển đổi chợ;
- Xác định rõ thời điểm và khoảng thời gian công khai phương án chuyển đổi chợ;
- Quy định rõ các nội dung về điều kiện để doanh nghiệp, hợp tác xã được giao kinh doanh, khai thác và quản lý chợ thành các tiêu chí đánh giá xét chọn doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh, khai thác và quản lý chợ để đảm bảo tính công khai, minh bạch và công bằng.



VĂN BẢN KHÁC

Cho ý kiến đối với việc sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ “Danh mục hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh, hạn chế kinh doanh và kinh doanh có điều kiện” quy định tại Nghị định 59/2006/NĐ-CP

Từ việc nghiên cứu việc Danh mục hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh, hạn chế kinh doanh, kinh doanh có điều kiện dựa trên các tiêu chí về tính hợp lý, tính thống nhất và nghiên cứu về tính chất của danh mục, VCCI cho rằng việc bãi bỏ Danh mục là có cơ sở và phù hợp.



Hồ sơ đề nghị xây dựng Dự án Luật Khoáng sản (sửa đổi)

“VCCI đề nghị việc sửa đổi Luật Khoáng sản lần này cần tập trung vào việc làm rõ các trường hợp bắt buộc phải đấu giá quyền khai thác khoáng sản ngay trong luật. Định hướng là mở rộng tối đa các trường hợp bắt buộc phải đấu giá, các trường hợp không đấu giá chỉ nên áp dụng rất hạn chế.”



- Bổ sung các quy định về bảo vệ quyền tài sản đối với quyền khai thác khoáng sản đã cấp cho doanh nghiệp, có thể tiến hành dẫn chiếu sang Bộ luật Dân sự để tạo sự thống nhất, tránh chồng chéo hoặc thiếu sót;
- Bổ sung cơ chế bảo đảm đầu tư đối với các dự án khoáng sản lớn, cụ thể : Bảo đảm đầu tư bằng hình thức hợp đồng giữa Nhà nước và nhà đầu tư, thay vì hình thức cấp phép, nhằm bảo đảm sự ổn định khi có thay đổi pháp luật, từ đó giúp thu hút đầu tư dự án lớn, kéo dài, công nghệ hiện đại;
- Bổ sung quy định coi thông tin về khoáng sản là bí mật kinh doanh và dẫn chiếu đến Luật Sở hữu trí tuệ, điều này giúp các doanh nghiệp khoáng sản yên tâm bỏ tiền đầu tư vào công tác điều tra địa chất và thăm dò vì quyền sở hữu trí tuệ của họ đối với loại tài sản này được bảo đảm;
- Kiểm tra lại số liệu tại Phụ lục 6 của Báo cáo Tổng kết thi hành Luật Khoáng sản 2010. Một số thông tin không thống nhất và có nhiều chỗ khiến người đọc băn khoăn về độ chính xác. Ví dụ:
 - Khoản hỗ trợ địa phương của các doanh nghiệp khoáng sản tại Nam Định là 124 nghìn tỷ đồng (liệu có phải là 124 triệu đồng hay 124 tỷ đồng?)
 - Tổng số tiền thu nộp ngân sách nhỏ hơn tổng khi cộng thuế tài nguyên, tiền cấp quyền và phí bảo vệ môi trường.

DANH MỤC VĂN BẢN VCCI ĐÃ GÓP Ý

STT	TÊN VĂN BẢN	CƠ QUAN SOẠN THẢO
DỰ THẢO LUẬT		
1	Luật Điện ảnh (sửa đổi)	Ủy ban Văn hoá, Giáo dục của Quốc hội
2	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ	Ủy ban Pháp luật của Quốc hội
3	Luật Kinh doanh bảo hiểm	Ủy ban Kinh tế của Quốc hội
4	Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng (sửa đổi) (bản thẩm định tại Bộ Tư pháp)	Bộ Công Thương
5	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tàn số vô tuyến điện	Bộ Thông tin và Truyền thông
DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH		
6	Nghị định gia hạn nộp thuế và tiền thuê đất, thuê mặt nước và Dự thảo Nghị định gia hạn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt đối với ô tô sản xuất, lắp ráp trong nước	Bộ Tài chính
7	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 126/2020/NĐ-CP quy định chi tiết Luật Quản lý thuế và Nghị định 123/2020/NĐ-CP quy định về hoá đơn, chứng từ	Bộ Tài chính
8	Nghị định về kết nối và chia sẻ thông tin trong lĩnh vực xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa; xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh người và phương tiện theo cơ chế một cửa quốc gia	Bộ Tài chính
9	Nghị định của Chính phủ về việc ban hành Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi và dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng thuế suất thông thường đối với hàng hoá nhập khẩu	Bộ Tài chính
10	Nghị định sửa đổi Nghị định 126/2020/NĐ-CP, Nghị định 123/2020/NĐ-CP, Nghị định 15/2022/NĐ-CP về thuế, hóa đơn và chứng từ	Bộ Tài chính
11	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai	Bộ Tài nguyên và Môi trường
12	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 201/2013/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước	Bộ Tài nguyên và Môi trường
13	Nghị định quy định về định danh và xác thực điện tử (phiên bản thẩm định)	Bộ Tư pháp

14	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải	Bộ Tư pháp
15	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực đường bộ	Bộ Tư pháp
16	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 89/2016/NĐ-CP quy định điều kiện đối với hoạt động đại lý đối ngoại tệ, hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ của tổ chức kinh tế và Nghị định 88/2019/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT		
17	Tờ trình, Nghị quyết và Chương trình hành động của Chính phủ tiếp tục thực hiện Nghị quyết 10-NQ/TW về phát triển kinh tế tư nhân,	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
18	Nghị quyết về mức thuế bảo vệ môi trường đối với xăng, dầu, mỡ nhờn	Bộ Tài chính
DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH		
19	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án và dự thảo Đề án “Các giải pháp tăng cường kiểm soát và nâng cao chất lượng đào tạo cử nhân luật”	Bộ Giáo dục và Đào tạo
DỰ THẢO THÔNG TƯ		
20	Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 10/2018/NĐ-CP về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp	Bộ Công Thương
21	Thông tư hướng dẫn một số nội dung về phương pháp, tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu lựa chọn nhà đầu tư và Mẫu hợp đồng dự án xây dựng – kinh doanh – chuyển giao (BOT) thuộc lĩnh vực giao thông vận tải	Bộ Giao thông vận tải
22	Thông tư sửa đổi một số điều của Thông tư số 28/2013/TT-BKHCN của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định kiểm tra nhà nước về đo lường	Bộ Khoa học và Công nghệ
23	Thông tư quy định về việc thể hiện một số nội dung ghi nhãn bắt buộc theo phương thức điện tử	Bộ Khoa học và Công nghệ
24	Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
25	Thông tư thay thế thông tư quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng, phí thẩm định thiết kế cơ sở	Bộ Tài chính
26	Thông tư thay thế Thông tư quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định thiết kế kỹ thuật, phí thẩm định dự toán xây dựng	Bộ Tài chính

27	Thông tư thay thế Thông tư 12/2014/TT-NHNN quy định điều kiện vay của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
VĂN BẢN ĐỊA PHƯƠNG		
28	Tờ trình và Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Cao Bằng	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cao Bằng
29	Quyết định và nội dung Quy định về quy trình chuyển đổi mô hình kinh doanh, khai thác và quản lý chợ trên địa bàn tỉnh Cao Bằng	Sở Công Thương tỉnh Cao Bằng
VĂN BẢN KHÁC		
30	Cho ý kiến đối với việc sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ “Danh mục hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh, hạn chế kinh doanh và kinh doanh có điều kiện” quy định tại Nghị định 59/2006/NĐ-CP	Bộ Công Thương
31	Hồ sơ đề nghị xây dựng Dự án Luật Khoáng sản (sửa đổi)	Bộ Tài nguyên và Môi trường

ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ TIẾP THU CỦA BAN SOẠN THẢO

Từ tháng 4 đến tháng 6/2022, có 03 văn bản đã được ban hành mà VCCI có ý kiến góp ý, cụ thể:

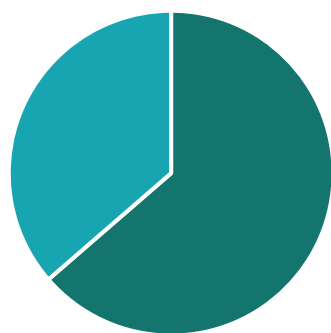
02 NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ:

1. Nghị định số 25/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 47/2011/NĐ-CP ngày 17/6/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số nội dung của Luật Bưu chính
2. Nghị định 31/2022/NĐ-CP về hỗ trợ lãi suất từ ngân sách Nhà nước đối với khoản vay của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh

01 THÔNG TƯ CỦA CÁC BỘ:

1. Thông tư 03/2022/TT-NHNN hướng dẫn ngân hàng thương mại thực hiện hỗ trợ lãi suất theo Nghị định số 31/2022/NĐ-CP ngày 20/5/2022 của Chính phủ về hỗ trợ lãi suất từ ngân sách nhà nước đối với khoản vay của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh

Hình 1. Tỷ lệ tiếp thu các ý kiến góp ý của VCCI

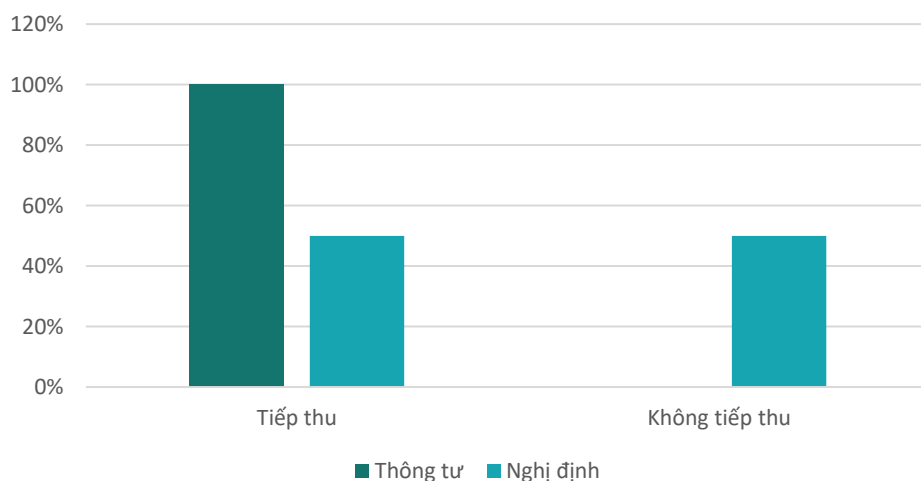


■ Tiếp thu ■ Không tiếp thu

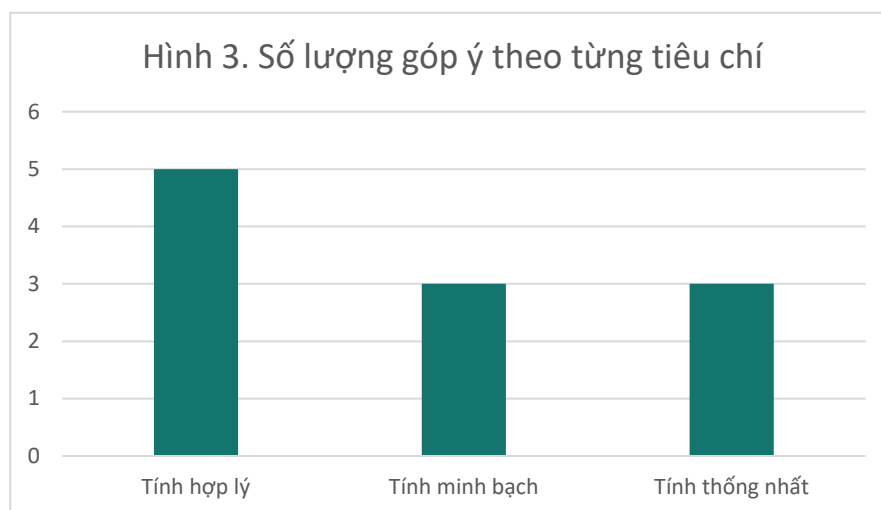
VCCI có **11 đề xuất** liên quan đến tính hợp lý, minh bạch và thống nhất của văn bản. Qua rà soát, đối chiếu giữa văn bản góp ý với các văn bản pháp luật đã được ban hành thì tỷ lệ tiếp thu các ý kiến của VCCI tương đối cao, trong đó **7 ý kiến được tiếp thu**, chiếm **63,64%** trong tổng số đề xuất.

Nếu theo loại văn bản thì tỷ lệ tiếp thu các góp ý trong các dự thảo văn bản pháp luật cấp thông tư cao hơn cấp nghị định.

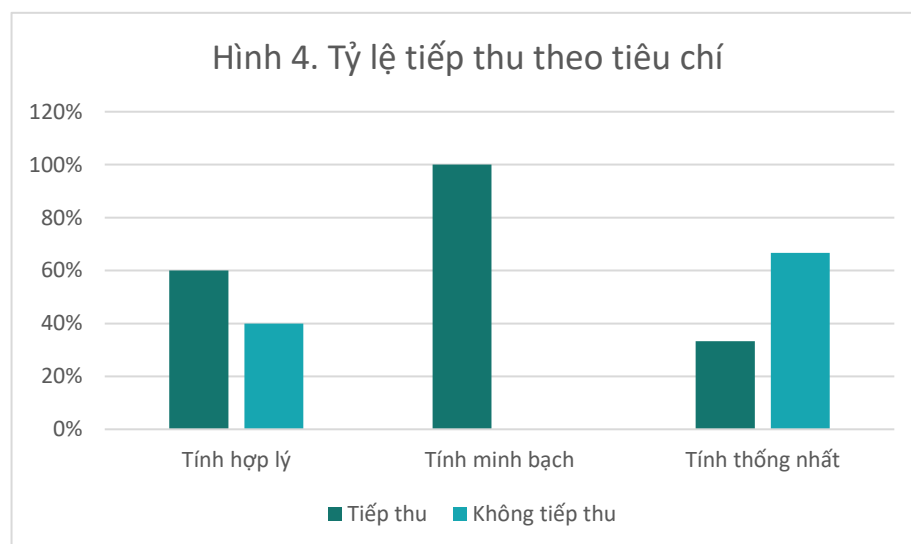
Hình 2. Tỷ lệ tiếp thu theo loại văn bản



■ Thông tư ■ Nghị định



Các đề xuất của VCCI tập trung chủ yếu về **tính minh bạch, tính hợp lý và tính thống nhất** trong đó đề xuất về tính hợp lý chiếm đa số. Điều này cho thấy, các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật về kinh doanh được soạn thảo trong thời gian qua dưới góc nhìn của doanh nghiệp vẫn còn một số quy định chưa đảm bảo tính hợp lý, tính khả thi.



Tính minh bạch là một trong những tiêu chí hàng đầu được VCCI xem xét mỗi khi góp ý văn bản pháp luật. Với tỷ lệ tiếp thu 100% kiến nghị (cao hơn hẳn so với hai tính còn lại) cho thấy cơ quan soạn thảo cho thấy cơ quan soạn thảo rất quan tâm đến yêu cầu về sự rõ ràng trong quy định, minh bạch trong các thủ tục hành chính. Đối với các đề xuất về **tính hợp lý**, chủ yếu là các kiến nghị loại bỏ các điều kiện kinh doanh bất hợp lý hay là thay đổi các biện pháp quản lý đối với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp quá mức cần thiết. Với tỷ lệ tiếp thu 60% là một điều đáng ghi nhận đồng nghĩa với việc, rất nhiều các quy định chưa phù hợp cản trở quyền tự do kinh doanh của doanh nghiệp đã được xóa bỏ xuất phát từ kiến nghị của VCCI. Tuy nhiên, số kiến nghị về **tính thống nhất** có tỷ lệ tương đối thấp, chỉ 33,33%, phản ánh vấn đề về mâu thuẫn, chồng chéo giữa các văn bản cùng điều chỉnh vẫn còn tồn tại.

PHÒNG THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Số 9 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 3574 0632

Fax: (84-24) 3577 1459, 3577 0632

Email: xdphapluat@vcci.com.vn, xdphapluat.vcci@gmail.com

Website: www.vibonline.com.vn